

Cao Bằng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần E.III - Kiến thức bổ trợ

Ngày thi: 25/8/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	8,00	Tám	41	Ngô Thị Ngọc Linh	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	Nông Thị Ao	7,50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Thị Mai	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Nông Thị Bạch	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Nguyễn Phương Mai	8,00	Tám
4	Lục Thị Châm	7,50	Bảy phẩy năm	44	Nông Thị Niêm	7,00	Bảy
5	Lê Kiên Chung	7,50	Bảy phẩy năm	45	Dương Thị Ngân	8,00	Tám
6	Hoàng Thị Chuyên		<i>Thôi học</i>	46	Phạm Thị Nhân	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Phan Đoạn Dân	7,25	Bảy phẩy hai năm	47	Triệu Thị Nháy	8,00	Tám
8	Hà Thị Phương Dung	8,00	Tám	48	Phùng Tồn Nhất	5,75	Năm phẩy bảy năm
9	Vi Thị Dung	8,00	Tám	49	Chu Thị Nhậ	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Bế Thị Dung	8,00	Tám	50	Hoàng Thị Nhiệm	6,50	Sáu phẩy năm
11	Luân Tuấn Đạt	6,50	Sáu phẩy năm	51	Nông Thị Hồng Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm
12	Nông Tiên Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	52	Phạm Thị Lưu Như	7,50	Bảy phẩy năm
13	Trần Văn Đạt	6,50	Sáu phẩy năm	53	Thắm Thị Phúc	7,00	Bảy
14	Lưu Chí Đức	7,50	Bảy phẩy năm	54	Hoàng Thúy Quỳnh	7,25	Bảy phẩy hai năm
15	Tô Thị Giang	7,50	Bảy phẩy năm	55	Hứa Mạnh Toàn	7,50	Bảy phẩy năm
16	Đào Thị Hạnh	7,00	Bảy	56	Đỗ Thị Thanh Tú	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Chu Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm	57	Phùng Ngọc Tú	7,50	Bảy phẩy năm
18	Hoàng Thị Tú Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	58	Mông Tô Tuyên	6,50	Sáu phẩy năm
19	Hoàng Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	59	Nông Văn Tư	6,50	Sáu phẩy năm
20	Nông Trung Hiếu	8,00	Tám	60	Lâm Đức Thành	7,00	Bảy
21	Hà Thị Hoa	8,00	Tám	61	Lôi Thị Thao	7,00	Bảy

22	Đàm Thị Phương Hoài	8,25	Tám phẩy hai năm	62	Lý Thị Thảo	6,50	Sáu phẩy năm
23	Mã Xuân Hợp	7,50	Bảy phẩy năm	63	Lâm Thu Thiều	7,50	Bảy phẩy năm
24	Lý Thị Hợp	8,25	Tám phẩy hai năm	64	Chu Thị Thơm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Trịnh Minh Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	65	Phạm Bằng Thuận	6,50	Sáu phẩy năm
26	Nông Lý Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	66	Hà Thị Thu	6,75	Sáu phẩy bảy năm
27	Hoàng Mạnh Hùng	6,50	Sáu phẩy năm	67	Lương Thị Thanh Thủy	8,00	Tám
28	Hà Văn Huy	8,00	Tám	68	Hoàng Thu Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Hoàng Văn Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	69	Trần Thị Thu Thúy	8,00	Tám
30	Nông Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	70	Nông Thị Thúy	6,25	Sáu phẩy hai năm
31	Đàm Thị Thu Hường	7,50	Bảy phẩy năm	71	Lê Thị Thương	8,00	Tám
32	Hứa Thị Hường	8,00	Tám	72	Nguyễn Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
33	Ma Nông Hữu	6,25	Sáu phẩy hai năm	73	Chu Thị Huyền Trang	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Kiều	7,00	Bảy	74	Triệu Thị Trâm	8,00	Tám
35	Vương Văn Khuyên	7,50	Bảy phẩy năm	75	Bàn Hữu Trung	6,25	Sáu phẩy hai năm
36	Lục Thị Lan	8,00	Tám	76	Hoàng Lê Vân	7,25	Bảy phẩy hai năm
37	Nông Hồng Lanh	7,25	Bảy phẩy hai năm	77	Trần Văn Việt	8,00	Tám
38	Long Thị Lãnh	7,50	Bảy phẩy năm	78	Hoàng Văn Vinh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
39	Nông Văn Lâm	7,50	Bảy phẩy năm	79	Hoàng Xuân Vũ	7,00	Bảy
40	Nguyễn Thị Tú Lệ	8,25	Tám phẩy hai năm	80	Hoàng Thị Hải Yến		<i>Thôi học</i>

Điểm 5,75: 01 điểm; Điểm 6,25: 03 điểm; Điểm 6,50: 08 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 07 điểm; Điểm 7,25: 09 điểm; Điểm 7,50: 23 điểm; Điểm 7,75: 03 điểm; Điểm 8,00: 17 điểm; Điểm 8,25: 05 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thủy



Trịnh Thị Ánh Hoa